

BẢNG GHI TÊN, GHI ĐIỂM THÍ SINH DỰ THI TUYỂN CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH TỈNH KHÁNH HÒA NĂM 2014
(Ngạch Chuyên viên - Phòng thi số 10)

STT	SỐ BÁO DANH	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Chuyên môn (chuyên ngành đào tạo)	Dự tuyển vào cơ quan	Mã ngạch	Lĩnh vực đăng ký dự thi	Miễn thi (nếu có)		Ngoại ngữ đăng ký thi	Diện ưu tiên (nếu có)	Điểm thi tuyển										Ghi chú
											Ngoại ngữ	Tin học			Điểm môn nghiệp vụ Chuyên ngành						Điểm môn kiến thức chung (Hệ số 1)	Điểm Tổng cộng			
															Trắc nghiệm (Hệ số 1)	Viết (Hệ số 1)	Viết (Hệ số 2)								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)=(17)* 2	(19)	(20) = (13)+(16)+(18)+(19)	(21)					
1	CV037B	Phan Phụng	Hiếu	20/12/1992	Ninh Hòa - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		72,75	96,00	96,00	68,50	137,00	62,00	295,00				
2	CV038B	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	10/10/1990	Vạn Ninh - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng					
3	CV039B	Nguyễn Bích	Hoa	03/01/1992	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	UBND TP Nha Trang	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		77,50	96,00	92,00	58,00	116,00	50,00	258,00				
4	CV040B	Trương Thúy	Hoàng	12/08/1990	Khánh Vĩnh - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng					
5	CV041B	Trương Thị Minh	Hồng	25/11/1992	Cam Lâm - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	VP UBND tỉnh	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		53,25	88,00	92,00	71,50	143,00	40,00	275,00				
6	CV042B	Đặng Thị Thu	Hồng	15/01/1980	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Sở VH TT & DL	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		44,75	68,00	68,00	50,00	100,00	22,50	190,50				
7	CV043B	Nguyễn Tiến	Hưng	17/08/1992	Vạn Ninh - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		79,50	88,00	84,00	80,00	160,00	50,00	294,00				
8	CV044B	Vương Thị Mai	Hương	11/02/1984	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Chi cục Bảo vệ TV	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		28,50	76,00	48,00	19,50	39,00	55,50	142,50				
9	CV045B	Nguyễn Thị Thu	Hương	29/06/1992	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng					
10	CV046B	Nguyễn Thị	Hương	01/04/1992	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Chi cục PC TNXH	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng					
11	CV047B	Nguyễn Thị	Hương	18/10/1989	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Ban Dân tộc	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		21,25	72,00	76,00	42,00	84,00	45,00	205,00				
12	CV048B	Lê Minh	Huy	12/11/1991	Diên Khánh - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		67,00	72,00	56,00	8,00	16,00	23,00	95,00				
13	CV049B	Võ Thị Thanh	Huyền	23/06/1992	Ninh Hòa - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng					
14	CV050B	Mai Thị Khánh	Huyền	04/10/1992	Cam Ranh - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		54,50	84,00	100,00	78,00	156,00	60,00	316,00				
15	CV051B	Ngô	Huỳnh	18/02/1967	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Quản trị kinh doanh	Khu kinh tế Vân Phong	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		67,50	92,00	100,00	86,00	172,00	52,00	324,00				
16	CV052B	Trần Trúc	Huỳnh	27/10/1992	Vạn Ninh - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn	Con thương binh	20,00	54,75	76,00	96,00	54,00	108,00	42,00	266,00			

S T T	SỐ BÁO DANH	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Chuyên môn (chuyên ngành đào tạo)	Dự tuyển vào cơ quan	Mã ngành	Lĩnh vực đăng ký dự thi	Miễn thi (nếu có)		Ngoại ngữ đăng ký thi	Diện ưu tiên (nếu có)	Điểm thi tuyển							Điểm Tổng cộng	Ghi chú
											Ngoại ngữ	Tin học			Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm môn Ngoại ngữ	Điểm môn Tin học	Điểm môn nghiệp vụ Chuyên ngành			Điểm môn kiến thức chung (Hệ số 1)		
																		Trắc nghiệm (Hệ số 1)	Viết (Hệ số 1)	Viết (Hệ số 2)			
17	CV053B	Phan Thị Châu	Khuê	07/07/1986	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính	UBND TP Nha Trang	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		75,00	72,00	88,00	91,00	182,00	65,00	335,00		
18	CV054B	Nguyễn Thị Ngọc	Khuê	18/12/1986	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	UBND TP Nha Trang	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng			
19	CV055B	Võ Diệu	Lan	25/05/1989	Diên Khánh - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Chi cục Bảo vệ TV	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		47,50	84,00	88,00	Vắng	Vắng	0,00			
20	CV056B	Hà Thị	Lan	22/08/1985	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Sở VH TT & DL	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng			
21	CV057B	Phạm Thị Mỹ	Lệ	05/07/1988	Ba Đồn - Quảng Bình	Đại học	Kế toán	Sở VH TT & DL	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		72,50	92,00	96,00	67,00	134,00	60,00	290,00		
22	CV058B	Nguyễn Thị Nhật	Liên	06/09/1992	Diên Khánh - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		73,50	88,00	80,00	21,50	43,00	14,00	137,00		
23	CV059B	Phan Thị Thu	Liễu	30/07/1984	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Chi cục Nuôi trồng TS	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		68,50	80,00	76,00	49,00	98,00	24,00	198,00		
24	CV060B	Trần Diệu	Linh	22/09/1985	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Chi cục Nuôi trồng TS	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng			
25	CV061B	Phạm Khánh	Linh	02/10/1993	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn	Con liệt sỹ	20,00	77,50	84,00	96,00	86,50	173,00	57,00	346,00	
26	CV062B	Nguyễn Thủy	Linh	24/07/1992	Cam Lâm - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		50,00	92,00	100,00	85,00	170,00	50,00	320,00		
27	CV063B	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	23/10/1989	Ayunpa - Gia Lai	Đại học	Kế toán	Sở Nông nghiệp - PTNT	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		33,25	88,00	88,00	40,00	80,00	25,00	193,00		
28	CV064B	Huỳnh Thị Trúc	Linh	13/02/1983	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Sở VH TT & DL	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		45,50	72,00	100,00	89,00	178,00	70,00	348,00		
29	CV065B	Trần Thị Như	Loan	29/08/1978	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Sở Y tế	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		33,50	72,00	72,00	55,50	111,00	37,25	220,25		
30	CV066B	Nguyễn Tuấn	Lục	10/02/1991	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Chi cục PC TNXH	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		54,00	80,00	84,00	41,00	82,00	23,25	189,25		
31	CV067B	Ngô Thị	Luôn	16/10/1991	Ninh Hòa - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	UBND TP Nha Trang	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng			
32	CV068B	Nguyễn Thị Phương	Mai	17/05/1985	Diên Khánh - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Chi cục PC TNXH	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		38,25	84,00	80,00	50,00	100,00	24,75	204,75		
33	CV069B	Nguyễn Thị Ánh	Minh	16/11/1985	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	UBND TP Nha Trang	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		92,50	84,00	96,00	85,50	171,00	45,00	312,00		
34	CV070B	Nguyễn Thị Hà	Nga	12/04/1990	Vạn Ninh - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn	Con thương binh	20,00	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng		
35	CV071B	Nguyễn Thị	Nga	28/02/1985	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Sở Nông nghiệp - PTNT	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng			
36	CV072B	Võ Thị	Ngân	26/09/1992	Đông Hòa - Phú Yên	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		57,00	80,00	80,00	37,00	74,00	26,75	180,75		



S T T	SỐ BÁO DANH	Họ và tên thí sinh		Ngày, tháng, năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Trình độ	Chuyên môn (chuyên ngành đào tạo)	Dự tuyển vào cơ quan	Mã ngành	Lĩnh vực đăng ký dự thi	Miễn thi (nếu có)		Ngoại ngữ đăng ký thi	Diện ưu tiên (nếu có)	Điểm thi tuyển							Điểm Tổng cộng	Chức vụ
											Ngoại ngữ	Tin học			Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm môn Ngoại ngữ	Điểm môn Tin học	Điểm môn nghiệp vụ Chuyên ngành			Điểm môn kiến thức chung (Hệ số 1)		
																		Trắc nghiệm (Hệ số 1)	Viết (Hệ số 1)	Viết (Hệ số 2)			
37	CV073B	Thái Lê Minh	Ngọc	09/09/1991	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng			
38	CV074B	Nguyễn Diễm	Ngọc	02/11/1992	Khánh Vĩnh - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		88,50	88,00	72,00	32,00	64,00	45,00	181,00		
39	CV075B	Đoàn Thị Bảo	Ngọc	01/12/1991	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	UBND TP Nha Trang	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		50,25	80,00	52,00	9,00	18,00	14,50	84,50		
40	CV076B	Nguyễn Vũ Thảo	Nguyễn	29/09/1992	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng			
41	CV077B	Nguyễn Ngọc Trang	Nguyễn	21/06/1991	Ninh Hòa - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Sở Y tế	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		64,25	96,00	92,00	55,00	110,00	30,00	232,00		
42	CV078B	Lê Thảo	Nguyễn	07/02/1989	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Sở Thông tin & TT	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		77,50	84,00	80,00	86,00	172,00	62,00	314,00		
43	CV079B	Lê Thị	Nguyệt	07/10/1990	Nghĩa Đàn - Nghệ An	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng			
44	CV080B	Nguyễn Kim	Nhân	05/01/1986	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Chi cục PC TNXH	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng			
45	CV081B	Võ Thị Quỳnh	Nhi	18/02/1991	Ninh Hòa - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		53,00	84,00	80,00	17,00	34,00	22,75	136,75		
46	CV082B	Võ Ngọc	Oanh	03/12/1990	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	UBND TP Nha Trang	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		33,00	48,00	52,00	32,00	64,00	23,00	139,00		
47	CV083B	Nguyễn Thị Phương	Oanh	16/12/1991	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Kế toán	Chi cục Bảo vệ TV	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		62,00	80,00	64,00	33,00	66,00	15,00	145,00		
48	CV084B	Nguyễn Xuân	Phi	05/02/1990	Nha Trang - Khánh Hòa	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		40,50	88,00	80,00	50,00	100,00	89,50	269,50		
49	CV085B	Dương Quốc	Phong	15/08/1992	Krông pắc - Đăklăk	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		43,00	96,00	80,00	27,50	55,00	30,00	165,00		
50	CV086B	Võ Minh	Phung	10/01/1992	Đông Hà - Quảng Trị	Đại học	Tài chính-ngân hàng	Sở Tài chính	01.003	Tài chính-Kế toán			Anh văn		70,00	80,00	68,00	0,00	0,00	33,00	101,00		